TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ VINACOMIN

Số: **1425** /KVCP - KH
Về việc niêm yết giá dịch vụ tại cảng Cẩm Phả

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Kính gửi:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về Quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ Container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Hiện nay Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin đã thực hiện niêm yết giá dịch vụ cảng tại cảng Cẩm Phả trên cổng thông tin điện tử: http://camphaport.com.vn/Data/files/giacangbien.pdf và niêm yết tại Ban quản lý Cảng và kinh doanh dịch vụ. Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 21/02/2023 *(kèm theo công văn số: 1410/KVCP-KH ngày 15/02/2023)*.

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Giám đốc (e-copy, b/c);
- Các PGĐ (e-copy, p/h);
- Phòng KT, Ban QLC (e-copy, t/h);
- Lưu: VT, KH.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 5700100356-001 CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

Đinh Trung Kiên

- Tên tổ chức: Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin
- Địa chỉ: Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.3865045, Fax: 033.3865320; Website: camphaport.com.vn; Email: campha_port@vnn.vn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ VINACOMIN

Số: **1410** /KVCP - KH

Về việc kê khai giá dịch vụ cảng biển, cảng Cẩm Phả

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH QUẢNG NINH
ĐẾN Số:.....
Ngày: 16/02/2023
.....
Chuyển:.....

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải - Tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ Container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, về việc quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ tại cảng biển, cảng Cẩm Phả (có biểu đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 21/02/2023.

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, KH.

T/L GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG

Đỗ Thị Thu Hiền

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Trung Kiên

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Đoàn Minh; số điện thoại: 0913 085 344
- Đơn vị thực hiện kê khai: Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin; địa chỉ: Số 604, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh; email: camphaport@vnn.vn.

SAO NGUYÊN VĂN BẢN CHÍNH
Ngày 17 / 02 / 2023

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

*(Kèm theo công văn số: **1410** /KVCP - KH ngày 15/02/2023 của Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin)*

I/ Mức giá kê khai

1. Giá dịch vụ sử dụng cầu, bến thuộc khu vực hành hải:

a/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ	16,5
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	Đồng/GT/giờ	16,5

b/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (không tính thuế)
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	USD/GT/giờ	0,0031
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	USD/GT/giờ	0,0060

2. Giá dịch vụ lai dắt.

a/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

STT	Tên dịch vụ (Công suất tàu lai hỗ trợ HP)	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Than Việt Nam (700 HP)	Đồng/giờ	4.070.000
2	Tàu Đông Hải (980 HP)	Đồng/giờ	5.610.000
3	Tàu Tuần Châu (2.000 HP)	Đồng/giờ	12.760.000
4	Tầu Yết Kiêu (3.200 HP)	Đồng/giờ	14.740.000

b/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

STT	Tên dịch vụ (Công suất tàu lai hỗ trợ HP)	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (không tính thuế)
1	Than Việt Nam (700 HP)	USD/giờ	273
2	Tàu Đông Hải (980 HP)	USD/giờ	352
3	Tàu Tuần Châu (2.000 HP)	USD/giờ	659
4	Tầu Yết Kiêu (3.200 HP)	USD/giờ	898

3. Giá dịch vụ buộc, cởi dây tàu tại cầu.

a/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

STT	Tên dịch vụ (theo cỡ tàu, dung tích toàn phần)	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Từ dưới 2000 GT	Đồng/lần	278.300
2	Từ 2001 đến 4 000 GT	Đồng/lần	363.000
3	Từ 4001 đến 6 000 GT	Đồng/lần	484.000
4	Từ 6001 GT trở lên	Đồng/lần	617.100
5	Sà lan (Đoàn phương tiện)	Đồng/lần	96.800
6	Phương tiện thuỷ nội địa	Đồng/lần	96.800
Sà lan và phương tiện thuỷ nội địa tự buộc cởi dây thì tính bằng 50% đơn giá			

b/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

STT	Tên dịch vụ (theo cỡ tàu, dung tích toàn phần)	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (không tính thuế)
1	Từ 500 đến 1.000 GT	USD/lần	28
2	Từ 1001 đến 10.000 GT	USD/lần	54
3	Từ 10.001 GT trở lên	USD/lần	80

II/ Mức giá kê khai này thực hiện: Kể từ ngày 21/02/2023.

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ VINACOMIN

Số: **1426** /QĐ - KVCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hướng dẫn biểu giá dịch vụ cảng biển tại cảng Cẩm Phả

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

Căn cứ Quyết định số 2109/QĐ-TKV ngày 16/8/2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Kho vận và Cảng Cẩm phả - Vinacomin;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ Container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 623/QĐ-TKV ngày 19/3/2010 và quyết định số 682/QĐ-TKV ngày 03/4/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc ban hành giá dịch vụ cảng biển tại cảng Cẩm Phả;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch và Quản trị chi phí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quyết định hướng dẫn biểu giá các dịch vụ cảng biển tại cảng Cẩm Phả (có biểu giá chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này áp dụng kể từ ngày 21/02/2023 và thay thế Quyết định số 12717/QĐ - KVCP ngày 13/12/2019.

Điều 3. Các ông (bà), Kế toán trưởng, Trưởng phòng KH, TTPC, KTCĐ, Ban QLC, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Tập đoàn - TKV (e-copy, b/c);
- Kiểm soát viên - TKV (e-copy, b/c);
- Các Đ/c Phó Giám đốc (e-copy, p/h);
- Như Điều 2 (e-copy, t/h);
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 5700100256-001 CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

Bùi Văn Tuấn

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN TẠI CẢNG CẨM PHẢ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1426 /QĐ - KVCP, ngày 16/02/2023 của Giám đốc Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin)

A- QUY ĐỊNH CHUNG

I/ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến giá dịch vụ lai dắt, giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ cung cấp nước ngọt (sau đây gọi tắt là giá dịch vụ cảng biển) tại cảng Cẩm Phả.

2. Đối tượng tính giá dịch vụ là tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế, bao gồm:

Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải (không phân biệt quốc tịch), hoạt động vận tải (kể cả container) từ cảng Cẩm Phả đi nước ngoài và từ nước ngoài đến cảng Cẩm Phả (gọi chung là hàng hải quốc tế).

3. Đối tượng tính giá dịch vụ cảng biển là tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa, bao gồm:

Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải, (không phân biệt quốc tịch) hoạt động vận tải hàng hóa nội địa giữa các Cảng biển Việt Nam (gọi chung là hàng hải nội địa).

II/ ĐỒNG TIỀN THU GIÁ DỊCH VỤ

1. Đồng tiền thu giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

2. Đồng tiền thu giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

3. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì qui đổi theo tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

III/ ĐƠN VỊ TÍNH VÀ CÁCH LÀM TRÒN

Mức thu giá dịch vụ cảng biển được tính trên cơ sở dung tích toàn phần (GT); công suất máy chính được tính bằng mã lực (Horse power - HP) hoặc Kwat (KW) của tầu thủy: Thời gian được tính bằng giờ, ngày, khối lượng hàng hóa được tính bằng tấn hoặc M^3 ; khoảng cách tính bằng hải lý, cụ thể :

1. Đơn vị trọng tải:

1.1. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ tại cảng biển..

1.2. Đối với tàu thuyền không ghi GT, được quy đổi như sau:

- Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01GT;

- Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01GT;

- Tàu kéo, tàu đẩy và cẩu nổi: 01 mã lực (HP,CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cẩu đặt trên tàu thuyền tính bằng 06 GT;

1.3 Đối với tàu thuyền trở hàng khô, container, hàng lỏng, trọng tải tính giá dịch vụ cảng biển là dung tích toàn phần GT ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm.

1.4 Đối với tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: Tính bằng tổng dung tích của cả đoàn bao gồm sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy;

2. Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 hp, 01 CV hoặc 01 KW tính tròn là 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

3. Đơn vị thời gian:

Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;

Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

4. Thời gian làm việc:

Thời gian làm việc từ 0 giờ đến 24 giờ.

B - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

(Các mức giá của khung giá dịch vụ sau đây chưa bao gồm thuế GTGT)

I/ GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG CẦU, BẾN.

1. Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

- Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến : 0,0031 USD/GT/giờ;

- Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến: 0,0060 USD/GT/Giờ;

2. Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:

- Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến: 15 đồng/GT/giờ;

- Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến: 15 đồng/GT/giờ;

II/ GIÁ DỊCH VỤ TÀU LAI DẮT

1. Đơn giá dịch vụ lai dắt (theo tàu lai):

TT	Tên tàu lai, công suất hỗ trợ (HP)	Đơn giá tàu hoạt động vận tải nội địa (đồng/giờ)	Đơn giá tàu hoạt động vận tải quốc tế (USD/giờ)
1	Than Việt Nam (700 HP)	3.700.000	273
2	Tàu Đông Hải (980 HP)	5.100.000	352
3	Tàu Tuần Châu (2.000 HP)	11.600.000	659
4	Tầu Yết Kiêu (3.200 HP)	13.400.000	898

- Số lượng và công suất tàu lai thực hiện theo Nội quy cảng biển Quảng Ninh.

- Thời gian tính giá dịch vụ tàu lai:

+ Thời gian lai dắt thực tế được tính từ thời điểm tàu lai bắt đầu thực hiện việc hỗ trợ lai, kéo, đẩy tàu thuyền được lai cho đến khi kết thúc việc hỗ trợ lai, kéo, đẩy tàu thuyền được lai theo yêu cầu của thuyền trưởng tàu được lai và hoa tiêu hàng hải dẫn tàu. Trong trường hợp thời gian lai dắt nhỏ hơn 01 giờ được làm tròn 01 giờ. Thời gian lai dắt tàu thuyền phải có xác nhận của thuyền trưởng tàu được lai hoặc hoa tiêu dẫn tàu đó;

+ Thời gian tàu lai dắt di chuyển ra luồng hành hải hướng dẫn, đón tàu thuyền được lai kể từ khi tàu lai rời vị trí xuất phát trong khu vực neo đậu để đưa tàu thuyền cập, rời cầu, bến đến khi tàu lai trở về vị trí ban đầu hoặc chuyển sang hoạt động khác, giá di chuyển được thỏa thuận bằng 70% giá lai dắt. Thời gian là giờ 01 giờ tính bằng 60 phút, phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng ½ giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ và phải có xác nhận của thuyền trưởng tàu được lai hoặc hoa tiêu dẫn tàu đó;

- Trường hợp tàu lai đã đến vị trí đón tàu thuyền đúng thời gian, đúng địa điểm theo yêu cầu nhưng tàu thuyền chưa đến, gây cho tàu lai phải chờ đợi thì bên thuê lai dắt phải trả tiền chờ đợi cho số giờ thực tế bằng 50% đơn giá lai dắt.

- Trường hợp tàu lai đã đến vị trí đón tàu thuyền đúng thời gian, đúng địa điểm theo yêu cầu, nhưng bên thuê lai dắt không sử dụng làm cho tàu lai phải trở về vị trí xuất phát hoặc chuyển sang hoạt động khác thì bên thuê lai dắt phải trả tiền bằng 50% đơn giá lai dắt theo theo số giờ tàu lai phải di chuyển.

- Trường hợp thay đổi thời gian yêu cầu hoặc hủy bỏ yêu cầu tầu lai thì phải báo trước cho Cảng ít nhất 6 giờ kể từ thời điểm dự kiến yêu cầu tàu lai.

- Trường hợp Cảng phải huy động tàu lai của đơn vị khác ngoài cảng than cảng Cẩm Phả đến để lai dắt thì đơn giá di chuyển tàu lai được thỏa thuận riêng nhưng không quá 70% đơn giá lai dắt.

- Tàu thuyền từ cảng nước ngoài đến cảng Cẩm Phả và/hoặc từ cảng Cẩm Phả đến cảng nước ngoài, giá lai dắt được tính là hoạt động vận tải quốc tế.

- Tàu thuyền từ cảng trong nước đến cảng Cẩm Phả và/hoặc từ cảng Cẩm Phả đến cảng trong nước, giá lai dắt được tính là hoạt động vận tải nội địa.

- Trường hợp lai dắt cứu hộ: Là trường hợp lai dắt các tàu thuyền không tự hoạt động được, phải sử dụng tầu lai để đẩy hoặc kéo thì giá dịch vụ lai dắt được thỏa thuận giữa Cảng và Chủ tàu thuyền cần cứu hộ (không thấp hơn giá lai dắt thông thường).

III/ GIÁ DỊCH VỤ BUỘC, CỞI DÂY TÀU

TT	Cỡ tàu (Dung tích toàn phần)	Đơn vị tính	Giá buộc, Cởi dây tàu tại cầu
I	**Tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa**	**Đồng/lần**	
1	Từ dưới 2000 GT	"	253.000
2	Từ 2001 đến 4 000 GT	"	330.000
3	Từ 4001 đến 6 000 GT	"	440.000
4	Từ 6001 GT trở lên	"	561.000
5	Sà lan (Đoàn)	"	88.000
6	Phương tiện thuỷ nội địa	"	88.000
	Sà lan và phương tiện thuỷ nội địa tự buộc cởi dây thì tính bằng 50% đơn giá		
II	**Tàu thuyền hoạt động vận tải quốc**	**USD/lần**	
1	Từ 500 đến 1.000 GT	"	28
2	Từ 1001 đến 10.000 GT	"	54
3	Từ 10.001 GT trở lên	"	80

IV/ GIÁ DỊCH VỤ CUNG ỨNG NƯỚC NGỌT

TT	NỘI DUNG	GIÁ CUNG ỨNG	
		Tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (Đồng/M^3)	Tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (USD/M^3)
1	Cấp tại cầu Cảng	35.000	3,00
2	Cấp tại vụng neo	45.000	3,50

C- QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU CHỈNH CHUNG

- Những nội dung chưa được đề cập sẽ thực hiện theo Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ Container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam và sẽ được thỏa thuận trong từng hợp đồng với các đơn vị Chủ tàu hoặc tổ chức Đại lý.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị, các Chủ hãng tàu và tổ chức Đại lý có ý kiến gửi về Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả-Vinacomin xem xét, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.